

ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH CUNG CẤP THÔNG TIN TIẾN BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI TẠI VĨNH LONG

Nguyễn Ngọc Đệ¹

ABSTRACT

To evaluate the effectiveness of scientific and technological information providing network for local socio-economic development at village level in Vinh Long, a study was conducted in August, 2008.

Results showed that the scientific and technological information network has proved its significant effectiveness in supporting the local economic development achievements and changing farmers' perception on the roles of information through internet. However, to improve its effectiveness there is a need to (1) improve the infrastructure for internet networks; (2) strengthen the information providing capacities; (3) improving the accessibility of local people; and (4) develop information networks on the principles of inheritability, linkages, comprehensiveness and step by step.

Keywords: *Scientific and technological information, information need, information providing capacity, information network, information contents*

Title: *Assessment of the scientific and technological information providing networks for socio-economic development in Vinh Long province*

TÓM TẮT

Nhằm đánh giá hiệu quả mô hình cung cấp thông tin tiến bộ khoa học công nghệ (KH-CN) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đến cấp xã tại tỉnh Vĩnh Long, một nghiên cứu đã được tiến hành trong tháng 8/2008.

Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình cung cấp thông tin KH-CN đã phát huy hiệu quả đáng kể, hỗ trợ tích cực cho công tác chỉ đạo phát triển kinh tế tại địa phương, tạo được sự chuyển biến trong nhận thức của người dân về vai trò của thông tin qua mạng.

Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả của chương trình cung cấp thông tin KH-CN cho người dân cần (1) Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ mạng thông tin khoa học công nghệ; (2) Nâng cao năng lực cung cấp thông tin; (3) Tăng cường khả năng tiếp cận thông tin của người dân; và (4) Phát triển mạng thông tin với phương châm kế thừa, liên kết, đồng bộ và từng bước.

Từ khóa: *Thông tin khoa học công nghệ, nhu cầu thông tin, khả năng cung cấp thông tin, mạng thông tin, nội dung thông tin*

1 MỞ ĐẦU

Đề tài “Xây dựng mô hình cung cấp thông tin tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho một số xã trên địa bàn các huyện/thị trong tỉnh Vĩnh Long, do Trung tâm Tin học và Thông tin KH-CN, Sở Khoa học và Công nghệ

¹ Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL

(KHCN) tỉnh Vĩnh Long triển khai thực hiện từ đầu năm 2006, tại 7 xã: Bình Hoà Phước (Long Hồ), An Phước (Mang Thít), Trung Hiệp (Vũng Liêm), Hậu Lộc (Tam Bình), Vĩnh Xuân (Trà Ôn), Tân Quới (Bình Minh, nay thuộc Bình Tân) và Tân Hội (Thị xã Vĩnh Long).

Mục tiêu của đề tài là nhằm nâng cao trình độ kiến thức cho các cán bộ xã và người dân nông thôn, tiếp cận nhanh các nguồn thông tin cần thiết, nhất là thông tin về tiến bộ KHCN, các thông tin khác như giá cả, chào bán sản phẩm,... phục vụ thiết thực cho hoạt động sản xuất và đời sống ở các vùng nông thôn. Đây có thể xem như là xây dựng mô hình điểm cung cấp thông tin KHCN qua mạng và các công cụ số hoá cho cấp xã với đối tượng mở rộng cho cả cán bộ nhà nước và người dân nông thôn, để nghiên cứu rút kinh nghiệm mở rộng ra cho toàn tỉnh (Nguyễn Hữu Minh, 2006).

Qua hơn 2 năm thực hiện, đề tài đã đạt được nhiều thành quả tích cực. Để có cơ sở khoa học nhằm đúc kết các thành tựu đã đạt được, đánh giá hiệu quả và những ưu khuyết điểm về nội dung, phương thức tổ chức, quản lý và vận hành các điểm cung cấp thông tin KHCN, đồng thời rút ra các bài học kinh nghiệm và đề xuất mô hình mẫu nhân rộng cho các xã khác trong tỉnh, một cuộc nghiên cứu đánh giá hiệu quả của đề tài đã được nhóm tư vấn Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, trường Đại học Cần Thơ tiến hành trong tháng 8/2008. Mục tiêu cụ thể bao gồm (1) Điều tra khảo sát, đánh giá hiện trạng cung cấp và nhu cầu thông tin KHCN phục vụ phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân tại điểm triển khai mô hình cung cấp thông tin tiến bộ KHCN và (2) Đề xuất mô hình mẫu để cải tiến và nhân rộng cho các xã khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Chọn điểm

Cuộc điều tra khảo sát được thực hiện tại 3 tiêu biểu trong số 7 xã thực hiện mô hình, gồm An Phước (Long Hồ), Tân Quới (Bình Tân) và Trung Hiệp (Vũng Liêm).

2.2 Phương pháp thu thập thông tin

2.2.1 Thông tin thứ cấp

Các báo cáo, tài liệu có liên quan về cơ sở vật chất, trang thiết bị đầu tư, đường truyền của hệ thống, các hình thức, nội dung, nguồn và phương thức cập nhật thông tin, cơ chế quản lý và vận hành mạng lưới từ tỉnh đến các xã đã được thu thập và phân tích.

2.2.2 Điều tra khảo sát

Phỏng vấn những người am hiểu (KIP-Key Informant Panel)

Tại xã xây dựng mô hình cung cấp thông tin KHCN, nhóm nghiên cứu đã trực tiếp phỏng vấn cán bộ lãnh đạo xã trực tiếp chỉ đạo, các cán bộ trực tiếp phụ trách cung cấp và quản lý thông tin và những cá nhân có liên quan (tổng cộng có 15 người). Nội dung phỏng vấn bao gồm điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị,

phương thức quản lý, vận hành, những khó khăn, thuận lợi và giải pháp trong việc sử dụng và cung cấp thông tin KHCN.

Phỏng vấn nhóm PRA (Focused Group Discussion)

Tại xã, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 01 nhóm 8-10 người dân đã được tập huấn tin học cơ bản, về nhu cầu thông tin, hình thức tiếp cận và sử dụng nguồn thông tin KHCN, những khó khăn, thuận lợi và giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin.

2.3 Phân tích và xử lý thông tin

Số liệu và thông tin thu thập được phân tích theo phương pháp thống kê mô tả với phần mềm Excel. Ngoài ra, phương pháp chuyên gia cũng đã được sử dụng để lý giải kết quả và đề xuất mô hình mẫu áp dụng nhân rộng trong tương lai.

3 KẾT QUẢ THẢO LUẬN

3.1 Tổng quan về nội dung hoạt động và kết quả của đề tài

3.1.1 Về trang thiết bị

Đề tài đã cung cấp trang thiết bị cơ bản cho 7 xã điểm gồm 01 bộ máy vi tính Pentium IV, 01 máy in laser 3 trong 1 (in, scan và photocopy), 01 bộ ổn nguồn và lưu điện, thiết lập đường dây điện thoại đường dài và các thiết bị văn phòng như bàn, ghế và tủ đựng tài liệu.

3.1.2 Về xây dựng website và cung cấp thông tin

Đã hoàn thành khá tốt các website liên kết tại Trung tâm Tin học và Thông tin KHCN và 7 xã mô hình điểm, với nguồn thông tin khá phong phú và việc cập nhật thông tin khá thường xuyên ở tất cả các cấp độ (Trung tâm và xã). Trung Tâm Tin học và Thông tin KHCN đã tích hợp trên 639 tài liệu thông tin tiên bộ trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn trong máy vi tính và trên đĩa CD-ROM, bao gồm 48.471 tài liệu toàn văn về cây con giống, mô hình làm ăn giỏi, 225 phim KHCN, 3299 địa chỉ về tổ chức và chuyên gia tư vấn, kho tư liệu bao gồm sách báo, tạp chí tài liệu chuyên đề,... Nội dung của website bao gồm thông tin KHCN, thông tin về xã, tin tức KHCN và liên kết với các website khác. Website được xây dựng theo công nghệ Portal, sử dụng Portal nguồn mở có tên DotNetNuke Portal miễn phí, sử dụng công cụ lập trình Visual Basic.Net, và trình thảo trang Microsoft Office 2003, lựa chọn Microsoft Windows 2003 Server là hệ điều hành dành cho máy chủ. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu là Microsoft SQL Server 2000 để quản lý nội dung thông tin với hệ điều hành mạng dành cho máy tại các điểm là Windows 9x/2000/XP/2003 (Nguyễn Hữu Minh, 2006).

3.1.3 Về tập huấn kỹ năng tin học và phổ biến sản phẩm thông tin

Đã tổ chức 2 khoá tập huấn kỹ năng cơ bản về tin học cho các cán bộ của 7 xã, mỗi khoá kéo dài 12-14 ngày. Tập huấn sử dụng truy cập thông tin trên internet cho 30 nông dân tại mỗi xã với thời lượng 01 buổi. Đề tài cũng đã triển khai công tác tuyên truyền giới thiệu các sản phẩm thông tin tiên bộ KHCN trên đài truyền thanh của xã và qua các hội nghị, lớp tập huấn.

3.2 Địa điểm và đơn vị quản lý

Điểm cung cấp thông tin KHCN xã An Phước, huyện Mang Thít đặt tại Trung tâm Học tập Cộng đồng cũng là Trung tâm Văn hóa xã, thuận tiện giao thông, cũng là nơi sinh hoạt cộng đồng, có thư viện, điểm dạy nghề lái xe, nơi tương đối thuận tiện cho người dân lui tới, nên điểm cung cấp thông tin KHCN này hoạt động khá hiệu quả. Còn tại Tân Quới (Bình Tân) và Trung Hiệp (Vũng Liêm) thì đặt tại Ủy Ban Nhân Dân xã nên hạn chế sự tiếp cận của người dân do tâm lý e ngại “vào cửa quan”. Điểm cung cấp thông tin KHCN của các xã được đặt dưới sự quản lý, điều hành trực tiếp của Ủy Ban Nhân Dân xã do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch xã làm Trưởng ban. Chỉ có tại xã Tân Quới (Bình Tân) là có đường truyền ADSL, còn 2 xã còn lại hiện trong khu vực chưa có mạng ADSL, các điểm cung cấp thông tin này sử dụng đường truyền Dial up, nên tốc độ truy cập rất chậm và thường hay bị rớt mạng. Tổng kinh phí đầu tư máy móc trang thiết bị tại mỗi điểm khoảng 20 triệu đồng.

3.3 Năng lực cung cấp thông tin

3.3.1 Nhân sự

Tại các xã, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch xã có trình độ từ lớp 12 trở lên, trực tiếp chỉ đạo nhóm thông tin KHCN. Hai đến ba cán bộ trực tiếp vận hành mạng thông tin KHCN có trình độ lớp 11 đến đại học. Tất cả các thành viên nhóm đều có chứng chỉ A tin học và đều được tập huấn kỹ năng cơ bản về tin học trong thời gian 12 ngày. Nhiệm vụ của các cán bộ kỹ thuật là trực tiếp quản lý, khai thác thông tin cung cấp theo yêu cầu người dân trong vùng, upload và cập nhật website của xã. Bên cạnh đó, tại mỗi xã đều có thành lập Tổ biên tập, cung cấp thông tin lên trang web của xã gồm 8 người, do Chủ tịch UBND xã ra quyết định. Nhiệm vụ của tổ biên tập là thu thập, biên tập và phản ánh các thông tin về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của địa phương để cập nhật lên trang web của xã. Khả năng thu thập, viết tin và biên tập thông tin tại cơ sở còn rất hạn chế. Nhu cầu tập huấn nâng cao năng lực thu thập, viết tin và biên tập thông tin cho nhóm cán bộ tổ biên tập cấp xã là rất cần thiết.

3.3.2 Loại thông tin cung cấp

Loại thông tin được các điểm mô hình cung cấp rất đa dạng từ các thông tin về sản xuất, thị trường đến các thông tin cần thiết cho đời sống với mức độ phổ biến khá cao (Bảng 1).

3.3.3 Nguồn thông tin

Việc tìm kiếm thông tin để đưa lên website và các tài liệu số hoá là do Trung tâm Tin học và Thông tin KHCN, Sở Khoa học và Công nghệ đảm trách, nên nguồn thông tin giống nhau ở tất cả các điểm, ngoại trừ các thông tin phản ánh tình hình và các hoạt động sản xuất, kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của từng địa phương là do đóng góp của các cộng tác viên tại từng xã. Những thông tin có tích đặc thù này được các địa phương cập nhật và đưa vào trang web của xã nhằm chia sẻ với các điểm khác. Điều này tạo ra sự thi đua kích thích các xã hoạt động tích cực hơn trong việc cập nhật thông tin. Đây là điểm mạnh của đề tài.

Bảng 1: Loại thông tin cung cấp tại 3 xã

TT	Loại thông tin	Độ phổ biến				
		1	2	3	4	5
1	Thông tin sản xuất	8,9	19,4	28,1	24,5	19,0
	Trồng trọt	0,0	13,3	26,7	26,7	33,3
	Chăn nuôi	7,1	14,3	14,3	28,6	35,7
	Thủy sản	7,1	14,3	35,7	35,7	7,1
	Ngành nghề	21,4	35,7	35,7	7,1	0,0
2	Thông tin thị trường	17,6	28,2	17,9	28,8	7,5
	Thuốc BVTV	7,1	35,7	21,4	28,6	7,1
	Phân	14,3	21,4	21,4	35,7	7,1
	Giống CT	7,1	28,6	21,4	35,7	7,1
	Thuốc TY	14,3	28,6	21,4	21,4	14,3
	Thức ăn GS	26,7	40,0	6,7	26,7	0,0
	Thuốc TS	28,6	42,9	7,1	21,4	0,0
	Thức ăn TS	15,4	23,1	7,7	53,8	0,0
	Giá nông sản, thực phẩm	22,4	17,0	27,0	17,9	15,7
	3	Thông tin về đời sống	8,3	23,6	20,9	24,9
Y tế		0,0	21,4	21,4	21,4	35,7
Giáo dục		13,3	20,0	20,0	33,3	13,3
Chính trị		14,3	21,4	28,6	14,3	21,4
Văn hoá – xã hội		6,9	27,6	17,1	27,6	20,7

Ghi chú: 1. ít; 2. trung bình; 3. khá nhiều; 4. nhiều; 5 rất nhiều. Nguồn: Khảo sát, 8/2008

Các thông tin trên website của Sở Khoa học và Công nghệ có tích chất khoa giáo và rất hữu ích đối với người dân. Nguồn thông tin này được thu thập chủ yếu từ sách báo, tài liệu khoa học, mạng internet và các đĩa CD-ROM lưu trữ. Hình thức đĩa CD-ROM tiện dụng hơn, vì các điểm có thể tìm kiếm dễ dàng và nhanh chóng cung cấp cho người dân khi có yêu cầu, nhưng cần cải tiến việc chọn lọc và cập nhật thông tin cho phù hợp với địa phương và thoã mãn nhu cầu hiểu biết ngày càng cao, đa dạng và luôn biến đổi của người dân trong bối cảnh một nền kinh tế năng động như hiện nay. Ngoài ra, thông tin còn đến từ các nguồn thuộc hệ thống quản lý nhà nước từ trung ương đến tỉnh, huyện và xã. Thông tin từ tivi, radio cũng được cập nhật đưa vào Website chủ yếu là các vấn đề mang tính thời sự (Bảng 2).

Bảng 2: Nguồn thông tin được sử dụng để cung cấp cho người dân

	Nguồn thông tin	N	%
1	Hệ thống quản lý nhà nước, ngành	5	7,6
2	Mạng internet	14	21,2
3	Báo chí	7	10,6
4	Sách, tài liệu khoa học	15	22,7
5	TV	6	9,1
6	Công ty, đại lý	2	3,0
7	Radio	3	4,5
8	Giao tiếp, kinh nghiệm thực tế	0	0,0
9	Khác (đĩa CD sở KHCN)	14	21,2
	Tổng	66	100,0

Nguồn: Khảo sát, 8/2008

3.3.4 Đối tượng được cung cấp thông tin

Đối tượng được cung cấp thông tin cũng rất đa dạng, chủ yếu là nông dân, các cán bộ đoàn thể, cán bộ kỹ thuật và cán bộ lãnh đạo (Bảng 3).

Bảng 3: Đối tượng được cung cấp thông tin tại các xã (%)

TT	Đối tượng	Độ phổ biến				
		1	2	3	4	5
1	Lãnh đạo	0,0	20,0	40,0	26,7	13,3
2	CB kỹ thuật	6,7	13,3	20,0	46,7	13,3
3	Đoàn thể	0,0	33,3	13,3	13,3	40,0
4	Nông dân	13,3	20,0	6,7	26,7	33,3
5	Đại lý	58,3	8,3	16,7	16,7	0,0
6	Thương lái	45,5	18,2	18,2	0,0	18,2
7	Bán lẻ	54,5	9,1	9,1	27,3	0,0

Ghi chú: 1. ít; 2. trung bình; 3. khá nhiều; 4. nhiều; 5 rất nhiều. Nguồn: Khảo sát, 8/2008

Các thông tin này đã phục vụ thiết thực cho công việc chuyên môn, nhiệm vụ chính trị và hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế của gia đình và cộng đồng tại địa phương.

3.3.5 Mức độ sử dụng thông tin từ các điểm cung cấp thông tin xã

Tại xã An Phước, mỗi tháng bình quân có 20- 40 lượt người có nhu cầu truy cập thông tin. Trong đó, có khoảng 5% là giáo viên hưu trí muốn tìm thông tin về kinh tế, xã hội, 15% là học sinh xem thông tin về giáo dục và thi cử, 75% là nông dân tìm hiểu về sản xuất và 5% là các đối tượng khác. Khoảng 70% nội dung thông tin yêu cầu thuộc về kỹ thuật sản xuất, 10% về thị trường và 20% liên quan đến đời sống.

Tại xã Tân Quới, số lượt người truy cập thông tin tương đối thấp. Trình độ công nghệ thông tin và thời gian là những cản trở chính. 60- 70% nhu cầu thông tin từ điểm là từ nông dân, bằng con đường gián tiếp thông qua ấp và chủ yếu được cung cấp bằng các tài liệu in (nông dân kiến nghị với lãnh đạo ấp, xã tìm và in ra phát cho dân). Ở đây ngoài vấn đề trình độ tin học hạn chế, khoảng cách từ nơi ở đến điểm thông tin KHCN cũng là yếu tố giới hạn việc trực tiếp tiếp cận thông tin từ điểm. Tương tự như các xã khác, 70% nội dung thông tin yêu cầu thuộc về sản xuất chủ yếu do nông dân đề nghị, 20% thông tin về thị trường và 10% thông tin về đời sống.

Tại xã Trung Hiệp, mỗi tháng bình quân có 20- 25 lượt người truy cập hoặc có nhu cầu thông tin từ điểm cung cấp thông tin KHCN. Trong đó, 30% là nông dân, còn lại là cán bộ các đoàn thể như thanh niên, phụ nữ và hội cựu chiến binh. Khoảng 80% nội dung thông tin yêu cầu thuộc về sản xuất chủ yếu do nông dân đề nghị, 10% thông tin về thị trường và 10% thông tin về đời sống.

3.4 Nhu cầu thông tin và mức độ đáp ứng

3.4.1 Nhu cầu thông tin của người dân

Nhu cầu thông tin của người dân rất đa dạng. Trong đó, thông tin về trồng trọt, giá cả thị trường, y tế và giáo dục là những thông tin có nhu cầu cao nhất và phổ biến

nhất ở tất cả các xã khảo sát. Kế tiếp là thông tin về chăn nuôi, môi trường, thủy sản (Bảng 4).

Bảng 4: Nhu cầu thông tin của người dân và mức độ đáp ứng hiện tại (Kết quả PRA)

T T	Loại thông tin cần	Mức độ đáp ứng (xếp hạng)			
		An Phước	Tân Quới	Trung Hiệp	Tổng 3 xã
1	Trồng trọt	1	1	1	1
2	Chăn nuôi	1	2	2	2
3	Thủy sản	1	2		4
4	Thị trường				
	Giá cả thị trường	1	1	1	1
	Nơi bán, nơi mua		4	4	6
5	Y tế	1	1	1	1
6	GDục	1	1	1	1
7	Môi trường	1	3	4	3
8	Chính sách pháp luật	2	1	1	5
9	Văn hóa xã hội	2		3	6

Nguồn: Khảo sát, 8/2008

Văn hoá xã hội và chính sách pháp luật cũng là những thông tin mà người dân cần để phục vụ cho nhu cầu đời sống hằng ngày của họ tại cộng đồng.

3.4.2 Chất lượng thông tin theo đánh giá của người dân

Đánh giá về chất lượng thông tin, tất cả các chỉ tiêu về độ chính xác, đầy đủ, kịp thời, hữu ích và thường xuyên đều ở mức khá cao 60- 80% (khoảng cấp 3) so với mong đợi. Điều này cho thấy, chất lượng thông tin cung cấp là khá tốt.

Bảng 5: Đánh giá về chất lượng thông tin hiện nay (Kết quả PRA) (cấp)

Chất lượng thông tin	An Phước	Tân Quới	Trung Hiệp	Tổng 3 xã
Chính xác	3,22	3,67	3,13	3,07
Đầy đủ	3,44	3,22	2,88	2,93
Kịp thời	4,00	3,22	2,63	3,04
Hữu ích	4,00	3,89	3,38	3,48
Thường xuyên	3,78	3,44	3,25	3,22

Ghi chú: 0: Dưới 20%, 1: từ 20-dưới 40%, 2: từ 40-dưới 60%, 3: từ 60-dưới 80%, 4: từ 80% trở lên

Nguồn: Khảo sát, 8/2008

3.4.3 Hình thức chuyển tải thông tin

Hình thức chuyển tải thông tin chung tại 3 xã phổ biến và khá hiệu quả là TV, Radio, loa, khuyến nông. Internet đã bắt đầu đi vào cuộc sống và trở nên ngày càng thu hút sự quan tâm của người dân (Bảng 6).

3.5 Đánh giá chung

- Có sự quan tâm của lãnh đạo chính quyền các cấp, đặc biệt là chính quyền cơ sở (cấp xã) đánh giá rất cao sự hữu ích và triển vọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công cuộc phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Đội ngũ cán bộ phục vụ công tác chuyên tải thông tin tại các xã đã có bước tiến bộ khá rõ nét, hiện có thể đảm đương tốt vai trò quản lý, truy cập và cung cấp thông tin cho người dân. Tuy nhiên, năng lực thu thập, viết tin, biên tập và cập nhật thông tin cần được tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng thêm để có thể đảm đương tốt cả 2 vai trò cung cấp và cập nhật thông tin.

Bảng 6: Các hình thức chuyển tải thông tin và mức độ phổ biến tại các xã

TT	Hình thức chuyển tải thông tin	Độ phổ biến				
		1	2	3	4	5
1	Thông tin đại chúng					
	TV	7,7	14,8	15,1	29,4	33,0
	Radio	8,1	19,8	11,7	24,4	36,0
	Loa	0,0	25,0	25,0	25,0	25,0
	Báo	0,0	15,4	23,1	38,5	23,1
	Tạp chí tuần	27,3	36,4	18,2	9,1	9,1
	Tạp chí tháng	30,0	40,0	10,0	10,0	10,0
	Tạp chí quý	40,0	30,0	10,0	10,0	10,0
	Tạp chí năm	33,3	33,3	11,1	11,1	11,1
	Tờ rơi	25,0	25,0	16,7	25,0	8,3
	Áp phích	38,5	15,4	30,8	15,4	0,0
	Đĩa CD-ROM	8,3	33,3	16,7	16,7	25,0
	Băng Video	40,0	10,0	20,0	20,0	10,0
2	Công tác khuyến nông	15,5	18,2	18,2	27,1	21,0
3	Internet	0,0	0,0	61,5	23,1	15,4
4	Đoàn thể	14,4	14,4	27,9	18,7	24,6
5	Chính quyền	18,2	25,2	12,9	24,5	19,2
6	Hệ thống không chính thống	13,0	26,1	21,0	12,3	27,5
	Nông dân	0,0	16,7	25,0	16,7	41,7
	Công ty	16,1	23,2	22,6	12,7	25,5
	Đại lý	23,1	38,5	15,4	7,7	15,4

Ghi chú: 1. ít; 2. trung bình; 3. khá nhiều; 4. nhiều; 5 rất nhiều. Nguồn: Khảo sát, 8/2008

- Nguồn thông tin hiện tại khá phong phú và rất hữu ích. Tuy nhiên, cần nâng cao chất lượng, chọn lọc và cập nhật thông tin bằng cách liên kết với nhiều websites khác trong và ngoài nước.
- Người dân đã có nhận thức tốt về vai trò của thông tin qua mạng và thông tin số hoá. Đây là tiền đề cơ bản và là cơ sở cho việc tăng cường tiếp nhận thông tin của người dân. Tuy nhiên, do trình độ học vấn thấp, khả năng tin học hạn chế, số điểm cung cấp thông tin qua mạng còn quá ít, khó khăn trong việc đi lại, nên hạn chế khả năng sử dụng thông tin qua mạng. Nếu việc phổ cập tin học cho người dân được thực hiện đầy đủ và tăng cường đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng, đường truyền tốt thì hiệu quả chuyển tải thông tin KHCN cho người dân vùng nông thôn sẽ đạt được hiệu quả cao, góp phần đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần người dân tốt hơn.
- Mặc dù mô hình mới được triển khai thử nghiệm khoảng 2 năm, nhưng đã chứng tỏ vai trò tích cực trong việc hỗ trợ cung cấp thông tin ứng dụng vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế của địa phương.

- Địa điểm cung cấp thông tin thích hợp nhất để tạo điều kiện cho người dân tiếp cận là tại các Trung tâm học tập cộng đồng, như trường hợp xã An Phước.

4 KẾT LUẬN ĐỀ NGHỊ

4.1 Kết luận

- Mô hình điểm cung cấp thông tin KHCN là cần thiết và bước đầu đã phát huy hiệu quả đáng kể, đã hỗ trợ tích cực cho công tác chỉ đạo phát triển kinh tế tại địa phương, tạo được sự chuyển biến trong nhận thức của người dân về vai trò của thông tin qua mạng.
- Việc tổ chức quản lý các điểm rất chặt chẽ, từ việc thực hiện cam kết giữa Ban chủ nhiệm đề tài và lãnh đạo địa phương, đến việc thành lập nhóm điều hành, tổ biên tập và xây dựng quy chế hoạt động. Đây là cơ sở bảo đảm sự thành công, tính kế thừa, bền vững và tiếp tục duy trì phát triển của đề tài.
- Hiện tại, năng lực đáp ứng nhu cầu thông tin về sản xuất, thị trường và đời sống ở tất cả các xã khá tốt. Tuy nhiên, khả năng thu thập, viết tin và biên tập thông tin tại cơ sở còn rất hạn chế. Nhu cầu tập huấn nâng cao năng lực thu thập, viết tin và biên tập thông tin cho nhóm cán bộ tổ biên tập cấp xã là rất cần thiết hiện tại và trong thời gian tới.
- Nhu cầu thông tin khoa học công nghệ của mọi tầng lớp nhân dân là rất cao, đặc biệt là ở vùng nông thôn. Bên cạnh những phương tiện thông tin truyền thống thì thông tin qua mạng là hết sức hữu ích và cấp thiết.

Tuy nhiên, đối với mục tiêu lan toả thông tin KHCN cho người dân thì mức độ hữu ích của các mô hình điểm cung cấp thông tin như hiện nay còn nhiều hạn chế, do khả năng tiếp cận của người dân với các thông tin này. Sự hạn chế này do nhiều nguyên nhân:

- Số điểm cung cấp thông tin còn ít chỉ đặt tại trung tâm xã, những vùng sâu vùng xa sẽ không thể tiếp cận được thường xuyên.
- Địa điểm cung cấp thông tin KHCN tại UBND xã không thuận tiện cho người dân lui tới.
- Kiến thức tin học và khả năng sử dụng vi tính của người dân còn hạn chế do trình độ học vấn thấp.
- Đường truyền Dial up nên tốc độ chậm, thường xuyên rớt mạng. Nên phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ mạng bằng đường truyền ADSL như trường hợp xã Tân Quới.
- Ngân sách dành cho phát triển công nghệ thông tin-truyền thông cả trung ương và địa phương còn rất hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu hiện nay.

Ngoài ra, tập quán nhà ở phân tán cũng là khó khăn đáng quan tâm trong việc thiết lập mạng thông tin ở nông thôn, đặc biệt là các xã vùng sâu vùng xa.

4.2 Đề nghị

Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ mạng thông tin khoa học công nghệ

Cần đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, mở rộng phạm vi cung cấp và xây dựng các tụ điểm truy cập thông tin cho người dân, nâng cấp đường truyền (ADSL) và sử

dụng mạng không dây ở những cụm dân cư vùng sâu vùng xa là những giải pháp khả thi trong điều kiện hạn chế đường truyền bằng cáp quang.

Nâng cao năng lực cung cấp thông tin

Tập trung đào tạo bồi dưỡng cán bộ phụ trách mạng cả phần cứng lẫn phần mềm, cả kỹ thuật viên mạng lẫn biên tập viên thông tin mạng để bảo đảm tính phong phú, chính xác, kịp thời, cần thiết, cập nhật, hấp dẫn và phù hợp của thông tin.

Tăng cường khả năng tiếp cận thông tin của người dân

Cần phổ cập tin học, đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục và hỗ trợ người dân, đặc biệt là trong giai đoạn đầu là yếu tố quyết định thành công của dự án đưa thông tin khoa học công nghệ qua mạng đến nông thôn. Đồng thời, có chính sách hỗ trợ kinh phí, giảm giá lắp đặt và truy cập thông tin mới có thể thu hút được người dân và đạt được mục tiêu đưa thông tin khoa học công nghệ đến với đại đa số người dân nông thôn, đặc biệt là đối tượng nghèo cần được giúp đỡ để vươn lên.

Phát triển mạng thông tin với phương châm kế thừa, liên kết, đồng bộ và từng bước

Tại mỗi tỉnh, Sở Khoa Học Công nghệ và Sở Nông nghiệp – PTNT nên là đầu mối chịu trách nhiệm nội dung thông tin (tập hợp, chọn lọc, biên tập, cập nhật,...); Sở Bru Chính Viễn Thông sẽ là đơn vị chịu trách nhiệm về công nghệ mạng, bảo đảm độ phủ sóng, tính thông suốt và hạ tầng kỹ thuật (Nguyễn Ngọc Đệ và ctv., 2007). Tại mỗi xã, xây dựng các tụ điểm truy cập internet (Trung tâm học tập cộng đồng hoặc điểm văn hoá thông tin) để phục vụ người dân, đặc biệt là dân nghèo.

Giai đoạn 1, đầu tư trang thiết bị nối mạng cho các Trung tâm học tập cộng đồng của xã, có cán bộ phụ trách mạng để cung cấp thông tin miễn phí cho người dân khi có yêu cầu. Giai đoạn 2, khi trình độ sử dụng internet của người dân được nâng lên, nhu cầu thông tin của người dân trở nên bức xúc hơn, thì có thể hướng dẫn người dân tự truy cập thông tin mình cần. Đầu tư thiết bị tại các tổ nhóm hoặc Câu lạc bộ nông dân lấy nông dân giỏi làm hạt nhân (Nguyễn Ngọc Đệ, 2006). Giai đoạn 3, phát triển dịch vụ cung cấp thông tin có tính phí từng bước đủ để duy trì, bảo quản trang thiết bị và các chi phí phát sinh, tiến tới kinh doanh có lãi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Hữu Minh, 2006. Báo cáo tóm tắt đề tài xây dựng mô hình Website cung cấp thông tin tiên bộ khoa học công nghệ cho một số xã trên địa bàn các huyện/thị trong tỉnh Vĩnh Long. Báo cáo tóm tắt đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh.
- Nguyễn Ngọc Đệ, 2006. Farmer, Agriculture and Rural Development in the Mekong Delta of Vietnam. Nhà Xuất Bản Giáo Dục.
- Nguyễn Ngọc Đệ và ctv., 2007. Xác định hiện trạng và nhu cầu thông tin KHCN phục vụ phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân khu vực nông thôn vùng ĐBSCL. Báo cáo nghiên cứu, trình bày tại Hội nghị công nghệ thông tin phục vụ nông nghiệp, nông thôn quốc gia tại Cần Thơ, tháng 7/2008.
- Trung Tâm Tin học, Sở Khoa Học Công Nghệ Vĩnh Long, 2007 và 2008. Các báo cáo hoạt động hằng năm.
- UBND 3 xã An Phước (Mang Thít), Tân Quới (Bình Tân) và Trung Hiệp (Vũng Liêm). Các báo cáo hoạt động và các văn bản có liên quan.